

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 9

TUẦN 6 (11 - 17/10)

13	CHUYÊN ĐỀ TRUYỆN KIỀU (tt) - Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự	1
14	LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN (Khuyến khích hs tự đọc)	2
15	TỔNG KẾT TỪ VỰNG PHẦN 1	2

TIẾT 26: Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự

I/ Tìm hiểu bài:

1/ Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:

Ví dụ 1: Đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”

– Tả cảnh: 4 câu đầu, 8 câu cuối.

– Tâm trạng: 6 câu: “*Bên trời ... ngôi ôm*”.

→ Dấu hiệu:

– Tả cảnh: hình ảnh, màu sắc của sự vật.

– Nội tâm: Nhớ của Kiều về Kim Trọng, cha mẹ.

→ Khắc họa bức chân dung nhân vật: cô đơn, buồn tủi, nhớ thương khắc khoải, hoang mang, lo lắng và sợ hãi.

Ví dụ 2: Đoạn trích SGK/ 117

Mặt lão... co rúm lại ... vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra... Cái đầu ngoẹo... cái miệng móm mém ... mếu như con nít.

* Nhận xét:

- Miêu tả nét mặt : co rúm, vết nhăn xô, nước mắt chảy, đầu ngoẹo, miệng mếu.

→ Khắc họa nội tâm của lão Hạc : đau đớn, xót xa, ân hận... khi phải bán con chó.

II/ Ghi nhớ: SGK / 117

III/ Luyện tập: SGK/ 117

Bài tập 3/117: Ghi lại tâm trạng của em khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn.

Gợi ý:- Giới thiệu sự việc, hoàn cảnh, nhân vật

- Tâm trạng : Hối hận, cắn rứt, sợ bạn giận,

- Suy nghĩ :Muốn xin lỗi, Tìm cách chuộc lỗi với bạn.
- Kết thúc, bài học

Tiết 27-28 : LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích “Truyện Lục Vân Tiên”)

Nguyễn Đình Chiểu

I. Đọc – tìm hiểu chú thích

- _ Thuộc phần đầu truyện thơ
- _ Nội dung: Kể lại việc Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga khỏi bọn cướp đường
- _ Nhân vật: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga

II. Tìm – hiểu văn bản

1. Hình ảnh Lục Vân Tiên

a. Khi đánh bọn cướp Phong Lai

- _ Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô →**Động từ mạnh**
- Dũng cảm, sáng tạo, hào hiệp, sẵn sàng “trừ gian, diệt ác để cứu người
- _ “Tả đột hữu xông”
- “Triệu Tử phá vòng Dương Đăng”
- Thành ngữ, so sánh
- Hành động xả thân vì nghĩa, khả năng thực hiện việc nghĩa

b. Thái độ đối với Kiều Nguyệt Nga

- _ Khoan khoan ngồi đó chờ ra
- Nàng là phận gái, ta là phận trai
- Chính trực
- _ Làm ơn há dễ trông người trả ơn
- _ Nhớ câu kiến ngãi bất vi
- Làm người thế ấy cũng phi anh hùng
- Hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, nhân hậu

→ **Lục Vân Tiên** là hình ảnh lý tưởng thể hiện khát vọng của nhân dân và tác giả.

2. Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

“Làm con đâu dám ... “quân tử”

“..Tiện thiếp...”

→ *Trình bày rõ ràng, đầy đủ → thùy mị, dịu dàng, có học thức, Xuất thân khuê các*

“Gẫm câu...”

→ **Biết trọng nhân nghĩa**

→ **Người phụ nữ đức hạnh, khuôn phép nết na theo quan niệm truyền thống cổ xưa**

III. Tổng kết: Ghi nhớ (SGK/ 99)

IV. Luyện tập Học thuộc thơ

TIẾT 29-30:

TỔNG KẾT TỪ VỰNG (phần 1 – SGK/122-126)

I. Từ đơn và từ phức :SGK/122

1. Từ đơn: do một tiếng có nghĩa tạo thành.

- Cách sử dụng: Dùng để tạo từ ghép, từ láy.

VD: hoa; quả; bàn; bảng; bút...

2. Từ phức : do hai hay nhiều tiếng tạo thành.

- Cách sử dụng : dùng để định danh các sự vật, hiện tượng...rất phong phú trong đời sống.

- Có 2 loại :

a/ Từ ghép.

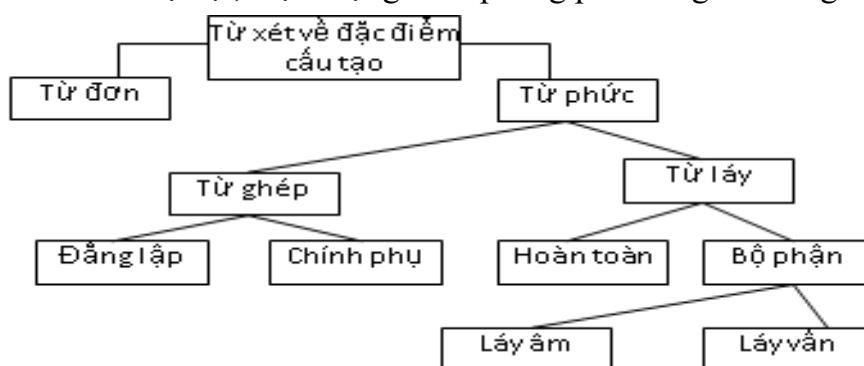
- Ghép chính phụ

- Ghép đẳng lập

b/ Từ láy.

- Láy vần

- Láy âm.



II. Thành ngữ/123SGK

1. Khái niệm.

- Là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh...

2. Ví dụ:

- Mẹ tròn con vuông: chỉ sự suôn sẻ, thuận lợi (ẩn dụ)

- Chó cắn áo rách: chỉ sự xó xúi, không may (ẩn dụ).

- Đẹp như tiên: rất đẹp (so sánh).

- Xấu như ma: rất xấu (so sánh)

- Nghiêng nước nghiêng thành: Cường điệu hoá cái đẹp (nhân hoá).

→ **Nghĩa của thành ngữ**

-Bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó.

- Thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá...

III. Nghĩa của từ.

1. Khái niệm. Nghĩa của từ: là nội dung mà từ biểu thị

2. Cách giải thích nghĩa của từ

-Trình bày khái niệm mà từ biểu thị

-Đưa ra từ đồng nghĩa, trái nghĩa

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ./124 sgk

1, Từ nhiều nghĩa: là những từ có 2 hay nhiều nghĩa.

a. Nghĩa gốc: nghĩa xuất hiện ban đầu, làm cơ sở hình thành nghĩa khác.

b. Nghĩa chuyển: là nghĩa hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

2, Hiện tượng chuyển nghĩa: là quá trình mở rộng nghĩa của từ (là hiện tượng đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa)

- Trong từ nhiều nghĩa có một nghĩa gốc và nhiều nghĩa chuyển.

V. Từ đồng âm.

1, Khái niệm: Là những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không có liên quan gì.

2, Dấu hiệu để phân biệt từ đồng âm – nhiều nghĩa:

+ **Từ đồng âm:** xét về nghĩa: giữa các từ không có mối liên hệ với nhau về nghĩa .

+ **Từ nhiều nghĩa:** giữa các từ có ít nhất một nét nghĩa chung.

VI. Từ đồng nghĩa : Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

VII. Từ trái nghĩa: Là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Căn cứ vào cơ sở: chúng cùng từ loại, cùng biểu thị hành động, trạng thái, tính chất, đặc điểm ...trái ngược nhau của sự vật, việc, người.

VIII. Cấp độ khái quát nghĩa của từ : SGK/126

IX. Trường từ vựng/126 SGK
